

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2020/DS -ST**
Ngày: 05-3-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 19/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh Kh

Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Doãn T. Có mặt.

Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn BH, xã YP, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2019, bản tự khai ngày 02/10/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Doãn T trình bày:

Ngày 18/7/2014, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định cho bà H vay vốn với số tiền 30.000.000đ để mua bò sinh sản, theo chương trình cho vay hộ nghèo, khoản vay số 6600000701989145. Thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/7/2019. Lãi suất vay 0,6%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất vay. Do không trả nợ đúng hạn, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 13/7/2019 với lãi suất phạt quá hạn bằng 130% lãi suất vay tương ứng là 0,78%/tháng.

Do bà H không chịu trả nợ nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng tiền nợ, cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc: 30.000.000đ.

- Số tiền lãi tính đến ngày 21/02/2020: 4.469.210đ.

Tổng cả nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/02/2020: 34.469.210đ.

Và yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 22/02/2020 đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Trong hồ sơ vay vốn, ông Hà Văn A - chồng bà H đứng tên là người thừa kế. Khi khởi kiện, Ngân hàng có yêu cầu đưa ông Hà Văn A vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, nay Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H là người vay nợ có trách nhiệm trả nợ, ông A chỉ là người thừa kế, chỉ phát sinh trách nhiệm khi bà H chết. Nên Ngân hàng không có yêu cầu gì với ông A, không yêu cầu Tòa án đưa ông A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà H không đến Tòa án làm việc. Tòa án phải tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà thừa nhận có ký hồ sơ vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định số tiền 30.000.000đ, lãi suất 0,6%/tháng như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, bà Trương Thị L là tổ trưởng tổ vay vốn đã làm thủ tục để bà vay tiền. Ngân hàng đã giao tiền và bà đã nhận đủ số tiền 30.000.000đ đồng thời ký đầy đủ trên hồ sơ vay vốn. Sau đó, bà không sử dụng số tiền mà đưa cho bà L sử dụng.

Bà chỉ đứng tên vay tiền hộ cho bà L sử dụng. Sau khi vay, bà L đứng ra trả lãi. Sau khi bà L bỏ trốn, bà đã đứng ra trả lãi cho Ngân hàng một thời gian. Đến năm 2018 thì bà không có điều kiện trả lãi. Số tiền lãi đã trả được bao nhiêu bà không nhớ. Số tiền nợ gốc bà chưa trả được.

Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc và lãi, bà không đồng ý trả, vì bà L là người sử dụng tiền nên bà L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Về phần chồng bà là ông Hà Văn A không có liên quan gì đến vụ án. Bà đứng tên vay tiền hộ cho bà L, chứ không nhận tiền để chi tiêu cho gia đình. Ông A cũng không biết gì về số tiền vay. Nên ông A không có liên quan gì đến vụ án này.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/02/2020, các đương sự thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị H thừa nhận có đứng ra ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng chính sách số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và đã trả được một phần tiền lãi. Đến ngày 21/02/2020, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 30.000.000đ, nợ lãi là 4.469.210đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 34.469.210đ. Bà H không chấp nhận trả nợ.

Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với ông Hà Văn A (chồng bà H) nên không yêu cầu Tòa án đưa ông A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà H cũng thống nhất ông A không có liên quan gì đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Bà H xin vắng mặt tại phiên tòa. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định yêu cầu bà H phải trả nợ cụ thể: Tiền nợ gốc 30.000.000đ. Tiền lãi trong hạn còn nợ đến ngày 12/7/2019 là 2.745.944đ. Lãi quá hạn từ ngày 12/7/2019 đến ngày 05/3/2020 là 1.823.277đ. Tổng cả gốc và lãi là 34.569.221đ.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật TTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật TTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ Điều 26, 147, 228 BLTTHS. Điều 463, 466, 468 và Điều 470, BLDS; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị H phải trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định số tiền nợ gốc 30.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày xét xử là 4.569.221đ. Tổng nợ đến ngày xét xử là 34.569.221đ

Về án phí: Bà H thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.
Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. *Về thời hiệu khởi kiện:* Việc khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định đang trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3 Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà H đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.4 Xác định tư cách tố tụng của ông Hà Văn A (chồng bà H)

Trong hồ sơ vay vốn, ông Hà Văn A (chồng bà H) đứng tên là người thừa kế. Khi khởi kiện, Ngân hàng có yêu cầu đưa ông Hà Văn A vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày khi vay ông A không biết, số tiền vay không sử dụng cho gia đình mà đưa hết cho bà L. Ông A không liên quan đến vụ án. Tòa án triệu tập nhưng ông A không đến Tòa làm việc. Ngân hàng đã rút yêu cầu ông A trả nợ. Vì vậy, xác định ông A không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án:*

Giao dịch dân sự được ký kết trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Giao dịch dân sự trên đang được thực hiện, có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tương ứng về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

2.2. *Về số tiền nợ gốc:*

Ngày 18/7/2014, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định và bà Lê Thị H có ký kết hợp đồng vay vốn số 6600000701989145 vay số tiền 30.000.000đ.

Tuy nhiên, bà H không đồng ý trả nợ với lý do: Bà nhận tiền, nhưng không được sử dụng số tiền vay này.

HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị H đã thừa nhận có đứng ra ký kết hồ sơ vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn là mua bò sinh sản. Như vậy, sự việc vay tiền là có thật, có chứng cứ rõ ràng cụ thể, được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội, buộc bà Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 30.000.000đ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

2.3. *Về lãi suất và số tiền nợ lãi:* Tại hồ sơ vay vốn ngày 18/7/2014, bà H đã tự nguyện thỏa thuận với Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên định mức lãi suất lãi suất cho vay 0,6%/tháng; lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất vay tương ứng là 0,78%/tháng. Mức lãi suất này phù hợp với mức lãi suất được quy định tại Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 06/6/2014 của Chính phủ về điều chỉnh lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng chính sách xã hội, cũng như Bộ luật dân sự. Do đó mức lãi suất trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi cụ thể như sau:

Lãi trong hạn từ ngày vay 18/7/2014 đến ngày 12/7/2019 là 10.920.000đ. Bà H đã trả được 8.174.056đ. Bà H còn nợ lại 2.745.944đ.

Lãi quá hạn từ ngày 12/7/2019 đến ngày 05/3/2020 là 1.823.277đ.

Tổng nợ gốc và lãi đến ngày 05/3/2020 là 34.569.221đ.

2.4. *Về án phí:* Ngân hàng chính sách xã hội thuộc diện được miễn tạm ứng án phí và án phí. Về nguyên tắc, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bà H thuộc diện hộ cận nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà H thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 1 Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 06/6/2014 của

Chính phủ; Điểm c khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền còn nợ theo hợp đồng vay ngày 18/7/2014, với tổng số tiền là 34.569.221đ. *(Ba mươi tư triệu, năm trăm sáu chín nghìn, hai trăm hai một đồng.)*

Trong đó: Tiền nợ gốc 30.000.000đ, lãi trong hạn 2.745.944đ, lãi quá hạn 1.823.277đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất ghi nhận trong hợp đồng vay.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà H.

Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho Ngân hàng chính sách xã hội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng